TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31-3-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Huy Du

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Mai Phương - Thẩm tra viên của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đức Hinh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 329/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị DTT, sinh năm 1996; nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; nơi ở: Lô 2, đường D, phường E, quận C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh PVH, sinh năm 1992; nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Đài Loan; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 12 năm 2022 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị DTT trình bày:

Chị DTT và anh PVH kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận C, thành phố Hải Phòng vào ngày 02 tháng 8

năm 2016. Sau khi kết hôn, chị DTT và anh PVH chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2017, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, lối sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nên chị DTT đã bỏ về ở cùng bố mẹ đẻ. Đến đầu năm 2018 anh PVH đã bỏ đi không rõ tung tích địa chỉ. Qua thông tin của những người thân trong gia đình anh PVH, chị được biết hiện nay anh PVH đang sinh sống tại Đài Loan. Đến nay, chị DTT xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên chị DTT đã có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho chị được ly hôn với anh PVH.

Về con chung: Chị DTT và anh PVH có 01 con chung là F, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2016. Ly hôn, chị DTT xin được nuôi con vì thực tế từ khi vợ chồng chị và anh PVH sống ly thân từ năm 2017, chị DTT là người trực tiếp nuôi con. Chị DTT không yêu cầu anh PVH cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị DTT không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh PVH hiện đang ở nước ngoài. Nguyên đơn chị DTT chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của anh PVH mà không cung cấp được địa chỉ của anh PVH ở nước ngoài. Bố mẹ đẻ của anh PVH hiện đang ở cùng với anh PVH ở nước ngoài nên thông qua chị gái của anh PVH được biết anh PVH vẫn liên lạc với chị gái ở trong nước nhưng chị gái của anh PVH không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh PVH cho Tòa án cũng như không thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh PVH để gửi lời khai về cho Tòa án. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho anh PVH theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà, chị DTT vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và có quan điểm vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh PVH. Anh PVH vắng mặt và không có ý kiến gì gửi cho Tòa án.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn chị DTT và bị đơn PVH đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, chị DTT có đơn xin xét xử vắng mặt, anh PVH vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử vắng mặt chị DTT và anh PVH là đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận cuộc sống vợ chồng của chị DTT và anh PVH không còn tồn tại, hiện mỗi người sống một nước , không có khả năng đoàn tụ , vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị DTT. Về con chung: Chị DTT và anh PVH có một con chung là F, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2016, chị DTT đề nghị được nuôi dưỡng con chung.

Từ khi vợ chồng sống ly thân con chung ở với chị DTT, anh PVH ở nước ngoài. Vì vậy, cần giao cháu F cho chị DTT được tiếp tục nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, chị DTT không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không phải xem xét , giải quyết. Chị DTT là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ, cũng như lời trình bày của các đương sự, quan điểm của Viện Kiểm sát tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị DTT có đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh PVH. Đây là vụ án hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh PVH hiện đang cư trú ở nước ngoài nên theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị DTT vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh PVH hiện đang sinh sống ở nước ngoài , chị DTT chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của anh PVH ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ của anh PVH ở nước ngoài, chị gái của anh PVH là chị G xác nhận anh PVH vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình . Tuy nhiên, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã yêu cầu đến lần thứ hai nhưng chị gái của anh PVH không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh PVH cho Tòa án cũng như không thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh PVH biết để gửi lời khai về cho Tòa án nên coi đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt và thông báo các văn bản tố tụng cho anh PVH theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt chị DTT và anh PVH.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị DTT và anh PVH kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã được Ủy ban nhân dân phường B, quận C, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02 tháng 8 năm 2016. Theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị DTT và anh PVH hiện mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai, không còn yêu thương nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ, do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị DTT

về việc xin ly hôn với anh PVH theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị DTT và anh PVH có 01 con chung là F, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2016. Vợ chồng chị DTT và anh PVH sống ly thân từ năm 2017, cháu F vẫn sinh sống ổn định với chị DTT, hiện anh PVH đang ở nước ngoài. Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu F cho chị DTT được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị DTT tạm thời không yêu cầu anh PVH cấp dưỡng nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Chị DTT không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị DTT là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Chị DTT và anh PVH được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị DTT.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị DTT được ly hôn anh PVH.

2. Về con chung: Giao cháu F, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2016 cho chị DTT được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị DTT không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị DTT không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị DTT phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 (*Ba trăm nghìn)* đồng theo Biên lai số 0000858 ngày 16 tháng 12 năm 2022 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng . Chị DTT đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Chị DTT được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Anh PVH được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND phường B, quận C;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Thanh Bình